



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI NĂM BÁO CÁO: NĂM 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập:

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên.

Ngày 25/12/2006, Nhà máy xi măng La Hiên được đổi tên thành Nhà máy xi măng La Hiên-VVMI theo Quyết định số 0299/QĐ-HĐQT do Hội đồng quản trị VVMI ban hành.

Ngày 30/01/2007, Nhà máy xi măng La Hiên-VVMI được chuyển thành Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV Nhà máy xi măng La Hiên-VVMI theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-TKV.

Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

Ngày 18/10/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2429/QĐ-HĐQT về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên-VVMI.

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008. Khi cổ phần hóa Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc chiếm tỷ lệ 51,383% vốn điều lệ tương đương 51,383 tỷ đồng.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MANG LA HIÊN VVM

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

+ **Niêm yết:** Công ty chưa nộp hồ sơ đăng ký niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

+ **Các sự kiện khác nổi bật:**

2. Quá trình phát triển:

+ **Giới thiệu về công ty:**





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ**
Tên viết tắt: **LHC**
Tên tiếng Anh: **LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**
Biểu tượng của công ty:



Trụ sở chính của công ty: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02803.829.154

Fax: 02803.829.056

Email: Congtycpmlh@yahoo.com.vn

Webside: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Tài khoản số: 3901000000429 tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Thái Nguyên.

Mã số thuế: 4600422240

Giấy CNĐKKD Số: 1703000349 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008.

+ *Ngành nghề kinh doanh:*

- Sản xuất mua bán xi măng và vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến và mua bán đá, đất sét, các loại khoáng sản;
- Chế tạo gia công các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, phụ tùng;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; Hoàn thành hệ thống xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa;
- Vận tải hành khách, hàng hóa bằng ô tô.

+ *Tình hình hoạt động của Công ty trong năm:*

Năm 2011, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMÍ trải qua một năm đầy khó khăn và nhiều thử thách đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể CNVC trong công ty. Nền kinh tế vẫn tiếp tục thời kỳ suy thoái, Nhà nước áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thị trường xi măng cạnh tranh gay gắt do sự mất



cân đối về cung - cầu trên thị trường, làm giảm sản lượng tiêu thụ. Trong khi đó chi phí giá cả vật tư nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tăng giá mạnh đặc biệt là số mặt hàng như: điện, xăng dầu và than. Từ đó làm cho tất cả vật tư nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng giá theo... Chi phí cố định như khấu hao TSCĐ + Lãi vay năm 2011 tăng trên 50% so với năm 2010. Chênh lệch tỷ giá đồng USD/VNĐ tăng cao. Tình hình huy động vốn kinh doanh cực kỳ khó khăn. Sản lượng tiêu thụ năm 2011 chưa đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, giá bán sản phẩm giảm, chi phí tăng cao là những nguyên nhân làm ảnh hưởng rất lớn tới lãi hoạt động, kết quả SXKD và đời sống thu nhập của CNVC - LĐ Công ty trong năm vừa qua.

Tuy nhiên với sự cố gắng nỗ lực của tập thể CB CNVC toàn công ty đã đồng tâm phần đầu vượt qua khó khăn gian khổ, sự quan tâm động viên và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin, sự thông cảm và chia sẻ của các Cổ đông nên Công ty đã giữ vững thị trường truyền thống và mở thêm được thị trường mới, trong năm Công ty đã tiêu thụ được 741.299,29 tấn sản phẩm tăng 128.379,6 tấn (20,95%) so với năm 2010. Duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo được việc làm đời sống và thu nhập cho người lao động.

3. Định hướng phát triển của Công ty:

3.1 Mục tiêu phát triển trong năm 2012:

Xác định năm 2012 tiếp tục là một năm còn nhiều khó khăn đối với ngành xi măng nói chung và Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI nói riêng. Đây thực sự là một thách thức lớn đặt ra cho HĐQT và ban lãnh đạo Công ty, đòi hỏi CBCNV phải toàn tâm, toàn trí nâng cao tinh thần đoàn kết vượt khó tạo đà để thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Mục tiêu đặt ra là:

a. Chiến lược về sản phẩm:

- + Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- + Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- + Có chiến lược dự trữ nguyên liệu, thành phẩm hợp lý, khoa học nhằm giảm chi phí hàng tồn kho.
- + Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.
- + Nâng cao năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm. Tiết kiệm triệt để chi phí, tăng cường công tác khoán quản.
- + Ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh.



b. Chiến lược đầu tư công nghệ:

+ Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Trong năm 2012, tiếp tục thực hiện các bước còn lại của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuông, một số dự án dở dang chuyển tiếp từ năm 2011 chuyển sang và triển khai đầu tư dự án mới như: Xây dựng kè chắn đất, Cải tạo đường bê tông nội bộ, Máy xúc lật dung tích gầu $\geq 3m^3$, Thiết bị phân tích dung động và Máy cắt Plasma.

c. Chiến lược tài chính:

+ Chủ động công bố minh bạch thông tin, cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của công ty.

+ Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp, cơ cấu lại nguồn vốn của công ty sao cho hợp lý đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

+ Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

d. Chiến lược nhân sự:

+ Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất.

+ Đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên chức trong công ty.

+ Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty lựa chọn lộ trình hợp lý để triển khai thực hiện đầu tư các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Phân đầu phát triển mạnh thương hiệu xi măng La Hiên theo một số tiêu chí:

+ *Chất lượng cao và ổn định.*

+ *Giá cả cạnh tranh.*

+ *Thị phần lớn.*

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội



đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

1. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng việt nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng.
- Tiền lương bình quân năm 2011 là: 4.313.373 đồng/người/tháng.
- Các khoản vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn.
- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Tổng dư nợ vay của Công ty.

* Dư nợ vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2011:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2011
Nợ ngắn hạn	197.202.181.048
Nợ dài hạn	476.787.175.665

- Tình hình công nợ hiện nay:

* Tình hình công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2011:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2011
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	28.519.739.304
Trả trước cho người bán	0
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	955.756.829
Phải thu dài hạn từ khách hàng	0
Phải thu dài hạn khác	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ**

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

*** Tình hình công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2011.**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2011
Phải trả người bán	71.427.369.799
Người mua trả tiền trước	608.899.779
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.742.885.033
Phải trả người lao động	0
Phải trả nội bộ	854.394.912
Các khoản phải trả khác	711.668.178
<i>Trong đó: + Tiền cổ tức trả cho Nhà đầu tư</i>	<i>63.373.000</i>
<i>+ Các khoản phải trả khác</i>	<i>648.295.178</i>
Chi phí phải trả	322.161.196
Vay và nợ ngắn hạn	117.300.000.000
Vay và nợ dài hạn	475.514.926.426
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.193.257.930

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2011	Thực hiện Năm 2011	% hoàn thành
I. Chỉ tiêu hiện vật		800.000,00	741.299,29	92,66
1. Xi măng PCB30	Tấn	610.000,00	495.619,31	81,25
2. Xi măng PCB40	Tấn	180.000,00	234.345,07	130,19
3. Clinker lò quay	Tấn	10.000,00	11.334,91	113,35
II. Chỉ tiêu pháp lệnh				
- Nộp Ngân sách nhà nước	Tr.đồng	14.500,00	19.977,95	137,78
III. Chỉ tiêu chủ yếu				
1. Tổng doanh thu	Tr.đồng	662.350,00	660.999,78	99,80
- Doanh thu xi măng, clinker	Tr.đồng	662.150,00	656.449,08	99,14
- D.T tài chính và hoạt động khác	Tr.đồng	200,00	4.550,70	2.275,35
2. Tổng chi phí	Tr.đồng	652.887,00	660.819,99	101,22
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.463,00	179,79	1,91
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	7.097,25	14,18	0,20
5. Tỷ lệ cổ tức	%	7,00	0,0	



3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Những khoản đầu tư lớn như: Trong năm Công ty đã rà soát toàn bộ kế hoạch đầu tư xem xét dự án nào cần đầu tư trước dự án nào làm sau, nhằm mục đích tăng hiệu quả đầu tư trong tình hình thiếu vốn như hiện nay. Cụ thể Công ty tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ Đồng Chuông, ngoài ra thực hiện thêm 2 dự án: Dự án đường giao thông nội bộ và dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất. Với tổng giá trị TS tăng trong năm 16,64 tỷ đồng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận. Tiếp tục mở rộng thị trường mới sử dụng xi măng vào các công trình giao thông, khai thác tiềm năng thị trường tiêu thụ xi măng mác cao PCB40, xi măng rời vào các trạm trộn bê tông, các công trình dự án lớn trong và ngoài tỉnh Thái Nguyên. Tiếp tục quảng bá thương hiệu sản phẩm với nhiều hình thức như mở hội nghị khách hàng, tổ chức quay phim và phát quảng cáo trên truyền hình trung ương, in tờ rơi và quảng cáo trên các tấm biển lớn tại các trục giao thông lớn tiếp nối với tỉnh Thái Nguyên, tham gia các hội nghị xúc tiến đầu tư tổ chức tại các khu vực.

Tạo điều kiện cho các cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

5. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2012:

Tiếp tục xác định vai trò vị trí và chức năng của Hội đồng quản trị theo điều lệ Công ty để chỉ đạo thực hiện có kết quả các mục tiêu năm 2012 được Đại hội cổ đông thường niên thông qua.

Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của HĐQT.

Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng điều lệ, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định của pháp luật hiện hành.

Thường xuyên duy trì chương trình họp của HĐQT để đề ra nghị quyết nhằm triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Đại hội cổ đông thông qua.

Chỉ đạo trực tiếp Ban lãnh đạo công ty, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất để từ đó tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMÍ**

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**1. Báo cáo tình hình tài chính:****+ Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:**

- * Khả năng thanh toán hiện hành: 1,142 lần (Tổng tài sản/nợ phải trả)
- * Khả năng thanh toán nhanh: 0,097 lần (Tiền hiện có/nợ ngắn hạn)
- * Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần: 0,0021%
- * Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản: 0,0018%
- * Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu: 0,0147%

+ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011 của năm báo cáo:

Tài sản (đồng)		Nguồn vốn (đồng)	
I. Tài sản ngắn hạn	86.793.778.670	I. Nợ phải trả	673.989.356.713
II. Tài sản dài hạn	683.499.009.975	II. Vốn chủ sở hữu	96.303.431.932
Tổng cộng	770.292.788.645	Tổng cộng	770.292.788.645

+ Những thay đổi về vốn cổ đông: Năm 2011 không có thay đổi về vốn điều lệ và số cổ phần phát hành của Công ty, Công ty không phát hành bất kỳ một loại trái phiếu nào.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011
1	TỔNG CỔ PHIẾU		10.000.000
-	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	CP	10.000.000
-	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	CP	10.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông	CP	10.000.000
2	CỔ TỨC CHIA CHO CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN	TR.Đ	0
-	Trả cổ tức năm 2011	Tr.đ	0

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2011:

Năm 2011 vừa qua cũng là một năm thực sự khó khăn đối với công tác tài chính. Nguồn vốn khan hiếm, vốn đầu tư + thiếu nguồn chưa được bù đắp. Nhu cầu sử dụng vốn lưu động lớn, lãi suất vay vốn cao và tỷ giá biến động tăng mạnh đã làm tăng chi phí tài chính trên 27,6 tỷ đồng so với năm 2010. Bên cạnh đó môi trường kinh doanh của Công ty ngày càng cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp. Sự dư thừa sản phẩm của ngành nhiều làm cho xi măng La Hiên chịu sự cạnh tranh gay gắt với các loại thương hiệu xi măng khác trên thị trường. Giá bán sản phẩm thấp, mức tăng giá bán chưa đủ bù đắp mức tăng của nguyên liệu đầu vào.



Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã cố gắng hết mình để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty. Ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất nắm bắt kịp thời những diễn biến trên thị trường, năng lực sản xuất của Công ty để đưa ra những biện pháp khắc phục kịp thời. Sự đoàn kết vượt qua khó khăn gian khổ phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân - cán bộ trong toàn Công ty đã tạo nên không khí thi đua sôi nổi, thúc đẩy hoàn thành công việc được giao.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty luôn bám sát công tác quản lý và điều hành trong sản xuất kinh doanh, củng cố nâng cao và từng bước nhằm tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh.

Trong công tác điều hành, công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Công tác KTTKTC luôn được đề cao. Trong năm mặc dù có nhiều biến động của thị trường tài chính nhưng những cán bộ viên chức trong phòng KTTKTC vẫn luôn linh hoạt, nhạy bén trong công việc, làm tốt công tác của mình, phối hợp tốt với các phòng ban chức năng thực hiện tốt quản lý tài sản, nguồn vốn của Công ty. Tham mưu giúp HĐQT và Ban lãnh đạo trong công tác quản lý điều hành tài chính của Công ty đảm bảo an toàn vốn, nền tài chính luôn lành mạnh.

Bộ phận kỹ thuật đã kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xuất xưởng luôn đạt theo tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát. Điều chỉnh phối liệu hợp lý, kịp thời, có phương án xử lý tốt về phối liệu, phối hợp tốt với các bộ phận liên quan để có phương án chạy lò hợp lý. Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên nhiên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra. Do vậy hạn chế tối đa sản phẩm kém chất lượng, đặc biệt là việc điều hành sản xuất hợp lý không để tình trạng ùn tắc, thiếu xi măng cung cấp cho khách hàng những ngày cao điểm tiêu thụ trên 3.500 tấn/ngày.

Bộ phận kế hoạch vật tư đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ



hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời. Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng nhanh, đủ về chủng loại, hợp lý về giá, đảm bảo an toàn vật tư tiền vốn của công ty.

Năm 2011 do chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ nên việc vay vốn giải ngân cho các dự án là hết sức khó khăn, Công ty đã tiến hành rà soát lại để đầu tư các dự án thực sự cần thiết. Công tác ĐTXD đã tổ chức thực hiện theo kế hoạch đầu tư của HĐQT giao, trình tự thủ tục đầu tư thực hiện các dự án đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của công ty.

4. Kế hoạch kinh doanh và phát triển trong năm 2012:

+ Công tác đầu tư xây dựng:

Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

+ Công tác sản xuất kinh doanh:

Tăng cường công tác khoán quản chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua các giải pháp mạnh, phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh các ứng dụng, các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới. Xiết chặt việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật như định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, nhiên liệu, điện năng theo hướng giảm định mức từ 2-6% gắn với mục tiêu thi đua trong quản lý điều hành của các đơn vị từ cấp phòng, phân xưởng, tổ sản xuất và tới từng người lao động.

Quy hoạch tổng thể mặt bằng sản xuất, thi công hoàn thiện hệ thống thoát nước, đường giao thông nội bộ, kho bãi chứa vật tư nguyên nhiên vật liệu hợp lý nhằm tiết kiệm trong sản xuất, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp. Tháo gỡ mọi khó khăn, tổ chức sản xuất, khai thác đá vôi tại mỏ đá Đồng Chuông với sản lượng từ 18 đến 20 nghìn tấn/tháng. Đền bù giải phóng mặt bằng mở rộng mỏ sét Cúc Đường nhằm chủ động nguyên vật liệu phục vụ sản xuất theo kế hoạch của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Tổ chức sắp xếp lại sản xuất và tổ chức lao động phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Phân công cụ thể, xác định rõ trách nhiệm của mỗi CNVC-LĐ gắn với thu nhập tiền lương tiền công để kích thích hiệu quả công tác.

Tiếp tục nâng cao và hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý đặc biệt là quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất ở các phân xưởng đủ sức đảm đương nhiệm vụ được giao. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty: để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty được nhịp nhàng, hiệu quả.

Thực hiện và đảm bảo công tác kỹ thuật an toàn, BHLĐ trong sản xuất, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các qui trình, qui phạm, nội qui an toàn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng qui định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam và Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc Vinacomin về công tác AT-BHLĐ, tránh để xảy ra các sự cố và tai nạn đáng tiếc.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ điện, công tác sáng kiến cải tiến, quản lý tốt chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa tài sản cấp trung đại tu. Duy trì tốt và thực hiện có hiệu quả hệ thống QLCL ISO 9001: 2008.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu dự kiến năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012
Sản xuất và tiêu thụ (xi măng + clinker)	Tấn	800.000
Doanh thu thuần	Tr.đ	768.579
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tr.đ	6.966
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	5.225
Tỷ lệ cổ tức	%	5
Tiền lương bình quân/người/tháng	Đồng	4.619.000
Tiền ăn ca (đồng/xuất)	Đồng	20.000
Nộp ngân sách	Tr.đ	16.000

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập theo qui định của pháp luật về kế toán (**Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam**). Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20 tháng 02 năm 2012 với nội dung như sau:

Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

(Xem chi tiết đính kèm trang bên)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.793.778.670	88.703.056.613
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.148.234.985	21.879.340.396
1. Tiền	111	V.01	19.148.234.985	21.879.340.396
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.300.476.597	34.435.523.029
1. Phải thu khách hàng	131		28.519.739.304	32.439.553.303
2. Trả trước cho người bán	132		-	1.098.138.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.02	955.756.829	922.050.962
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(175.019.536)	(24.219.536)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	36.827.756.869	31.546.693.940
1. Hàng tồn kho	141		36.827.756.869	31.546.693.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.517.310.219	841.499.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	1.481.011.756	778.586.094
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	33.744.198
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		36.298.463	29.168.956
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		683.499.009.975	715.934.060.949
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		679.288.640.279	715.934.060.949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	659.509.094.588	703.236.531.865
- Nguyên giá	222		998.366.489.313	985.465.412.925
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(338.857.394.725)	(282.228.881.060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	3.719.166.503	-
- Nguyên giá	228		5.369.087.001	1.632.274.438
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.649.920.498)	(1.632.274.438)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	16.060.379.188	12.697.529.084
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.210.369.696	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.102.956.256	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.09	107.413.440	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		770.292.788.645	804.637.117.562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)		Đơn vị tính: VND		
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		673.989.356.713	696.588.495.514
I. Nợ ngắn hạn	310		197.202.181.048	162.898.249.347
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	117.300.000.000	88.200.000.000
2. Phải trả người bán	312		71.427.369.799	63.231.983.762
3. Người mua trả tiền trước	313		608.899.779	118.798.813
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	5.742.885.033	396.513.259
5. Phải trả người lao động	315		-	5.419.016.416
6. Chi phí phải trả	316	V.12	322.161.196	239.059.292
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		854.394.912	2.227.935.579
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	711.668.178	2.456.175.571
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234.802.151	608.766.655
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		476.787.175.665	533.690.246.167
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	475.514.926.426	532.622.995.924
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.193.257.930	940.258.934
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		78.991.309	126.991.309
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.303.431.932	108.048.622.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	96.303.431.932	108.048.622.048
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(11.284.774.911)	474.599.798
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.963.346.758	3.963.346.758
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.146.199.336	3.146.199.336
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.184.593	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		770.292.788.645	804.637.117.562

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			3.720.000	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		V.01	875,28	74.311,83
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Lê Quang Bình
Giám Đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán Trưởng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI
 ĐC: Xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 02 - DN
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	658.791.815.130	454.243.950.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		658.791.815.130	454.243.950.780
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	500.013.484.761	342.278.461.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		158.778.330.369	111.965.489.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	776.565.462	2.327.892.816
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	73.243.425.557	48.158.861.604
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		66.952.383.924	39.351.915.802
8. Chi phí bán hàng	24		68.338.039.269	50.512.370.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.631.240.967	14.332.628.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		342.190.038	1.289.521.141
11. Thu nhập khác	31		1.431.398.634	3.008.237.505
12. Chi phí khác	32		1.593.795.640	1.955.791.310
13. Lợi nhuận khác	40		(162.397.006)	1.052.446.195
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		179.793.032	2.341.967.336
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.20	165.608.439	586.397.531
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.184.593	1.755.569.805
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,42	175,56



Lê Quang Bình

Giám Đốc

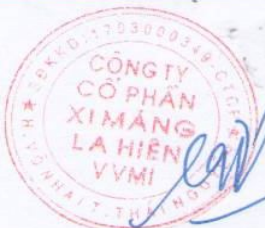
Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Thu Hiền

Kế toán Trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
PHỤ BIỂU 04: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VNĐ						
STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
A	B	C	1	2	3	4 = (1+2-3)
I	Thuế	10	341.903.045	25.157.413.662	19.770.723.405	5.728.593.302
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	226.560.417	18.158.853.783	15.829.550.423	2.555.863.777
-	Thuế GTGT hàng bán nội địa		226.560.417	15.693.128.604	13.363.825.244	2.555.863.777
-	Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	2.465.725.179	2.465.725.179	-
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	12	-	32.788.274	32.788.274	-
3	Thuế xuất nhập khẩu	13	-	2.595.490.981	2.595.490.981	-
4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14	(26.725.588)	165.608.439	-	138.882.851
5	Thuế thu nhập cá nhân	15	(7.018.610)	168.438.841	152.493.981	8.926.250
6	Thuế tài nguyên	16	142.132.990	598.136.329	695.720.409	44.548.910
7	Thuế nhà đất	17	-	-	-	-
8	Tiền thuê đất	18	6.953.836	110.093.677	117.047.513	-
9	Các loại thuế khác	19	-	3.328.003.338	347.631.824	2.980.371.514
-	Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
-	Các loại thuế khác (nhà thầu)		-	3.325.003.338	344.631.824	2.980.371.514
II	Các khoản phải nộp khác	30	20.866.016	200.652.321	207.226.606	14.291.731
1	Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2	Các khoản phí, lệ phí	32	20.866.016	200.652.321	207.226.606	14.291.731
3	Các khoản khác	34	-	-	-	-
	Tổng cộng	40	362.769.061	25.358.065.983	19.977.950.011	5.742.885.033



Lê Quang Bình
Giám Đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán Trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

		Đơn vị tính: VNĐ	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	179.793.032	2.341.967.336
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	56.646.159.725	38.319.083.006
- Các khoản dự phòng	03	150.800.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.743.320.218	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(518.591.355)	-
- Chi phí lãi vay	06	66.952.383.924	39.351.915.802
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	126.153.865.544	80.012.966.144
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.876.722.095	(26.617.976.104)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.281.062.929)	7.674.412.487
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	6.510.133.965	(25.520.934.388)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.805.381.918)	778.586.094
- Tiền lãi vay đã trả	13	(66.630.222.728)	(34.971.007.156)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.989.922.958)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	26.423.581.179
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(528.084.504)	(193.534.608.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.295.969.525	(167.744.903.085)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.000.739.055)	(107.442.410.278)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	518.591.355	841.621.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.482.147.700)	(106.600.788.943)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	399.989.328.018	424.723.508.957
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(442.017.724.033)	(131.987.014.624)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.551.741.750)	(10.306.239.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(43.580.137.765)	282.430.255.333
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.766.315.940)	8.084.563.305
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.879.340.396	13.837.756.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	35.210.529	(42.979.141)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.148.234.985	21.879.340.396



Lê Quang Bình
Giám Đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán Trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI là doanh nghiệp cổ phần được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV theo quyết định số 2228/QĐ - HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1703000349 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01/01/2008.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất mua bán xi măng và vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến và mua bán đá, đất sét, các loại khoáng sản;
- Chế tạo gia công các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, phụ tùng;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Hoàn thiện hệ thống xây dựng;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa;
- Vận tải hành khách, hàng hóa bằng ô tô.

Công ty có trụ sở tại xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31/12/2011, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 882 người, trong đó số cán bộ quản lý là 62 người.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN.

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT – BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

Niên độ kế toán của Công ty: Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ (-) các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ với giá trị xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ đối với nguyên vật liệu chính và sản phẩm xi măng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: được xác định bằng khối lượng dở dang nhân (x) đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân được xác định dựa trên tổng chi phí thực tế phát sinh trong kỳ không tính đến đơn giá bình quân tồn đầu kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian sử dụng ước tính cụ thể của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
Máy móc thiết bị	05 – 20 năm
Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
Dụng cụ quản lý	05 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất	30 năm
Tài sản cố định vô hình khác	05 năm

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng dự án khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuông, dự án trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa và dự án xây dựng công trình kè chắn đá, đất mà các dự án này chưa hoàn thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá). Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời cho các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán, được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán là khoản chi phí quảng cáo sản phẩm và các khoản chi phí sửa chữa máy, được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5-12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí nghiên cứu thị trường và chi phí sửa chữa được phân bổ trong thời gian 24 tháng.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính là các khoản chi phí lãi vay phải trả.

10. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh không phải bằng đồng Việt Nam được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng và được thực hiện theo Thông tư 18/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011 như sau:

- Công ty đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 trong báo cáo tài chính năm 2011 theo tỷ giá 20.828 đồng/USD (tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 31 tháng 12 năm 2011).
- Mọi khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải thu, tiền mặt có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đều được xử lý hạch toán vào tài khoản 413 Khoản chênh lệch này sẽ được hoàn nhập lại vào ngày 01/01/2012.
- Mọi khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả (không phân biệt nợ ngắn hạn và nợ dài hạn) được hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính. Tuy nhiên do tình hình hoạt động kinh doanh khó khăn nên công ty chỉ phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả cuối kỳ vào chi phí theo hướng dẫn tại theo Thông tư 18/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá như trên làm lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng 11.284.774.911 đồng và khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán giảm đi một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư trên và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 cho người sử dụng báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện khi kết thúc năm tài chính.

12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán xi măng được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và nhượng bán vật tư phế liệu. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu nhượng bán vật tư phế liệu được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (25%). Đây là năm thứ 5 Công ty được hưởng chính sách ưu đãi thuế đối với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền mới theo Thông tư 134/2007/TT – BTC ngày 23/11/2007 (được miễn 02 năm đầu và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo số thuế thu nhập doanh nghiệp của phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Cơ quan thuế sẽ kiểm tra quyết toán các loại thuế áp dụng đối với Công ty. Bất kỳ các khoản khác biệt về thuế sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

ĐC: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ)

1 Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt (i)	13.593.165.251	7.971.564.490
Tiền gửi ngân hàng (ii)	5.555.069.734	13.907.775.906
Tổng cộng	19.148.234.985	21.879.340.396
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2011 bao gồm		VNĐ
Đồng Việt Nam (VNĐ)		13.593.165.251
Tổng		13.593.165.251
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2011		
Tiền gửi VNĐ	USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Thái Nguyên	-	472.934.937
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	3.444.900.407
Ngân hàng NNo và PTNT Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	1.287.898.341
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	125.123.038
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	45.873.837
Ngân hàng TMCP An Bình	-	160.108.842
Tiền gửi USD	875,28	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	875,28	18.230.332
Tổng cộng	875,28	5.555.069.734
2 Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác	376.606.829	331.753.285
- Phải thu tiền BHXH+YT+TN (8,5%) của CBCNV	18.821.709	-
- Phải thu BHXH trả thay lương cho CBCNV	317.916.052	-
- Thu bồi thường vật chất (Đăng Quốc Hiệu)	15.500.000	-
- Phải thu khác	24.369.068	331.753.285
Phải trả khác (dư nợ)	579.150.000	590.297.677
- Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	579.000.000	-
- Phải trả khác	150.000	590.297.677
Tổng cộng	955.756.829	922.050.962
3 Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu tồn kho	31.224.468.164	25.294.694.800
Công cụ dụng cụ trong kho	84.277.798	118.651.613
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.299.559.134	6.133.347.527
Thành phẩm tồn kho	219.451.773	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	36.827.756.869	31.546.693.940
4 Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.481.011.756	778.586.094
- Chi phí quảng cáo thương hiệu	55.243.244	778.586.094
- Chi phí sửa chữa, gia công máy móc, thiết bị, nhà xưởng	1.425.768.512	-
Tổng cộng	1.481.011.756	778.586.094

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI

ĐC: Xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	344.580.565.502	597.044.995.203	43.457.044.220	382.808.000	985.465.412.925
- Mua trong năm	-	335.000.000	721.195.455	-	1.056.195.455
- Đầu tư XD CB hoàn thành	6.349.307.641	5.495.573.292	-	-	11.844.880.933
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	350.929.873.143	602.875.568.495	44.178.239.675	382.808.000	998.366.489.313
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	111.632.867.288	142.872.401.274	27.340.804.498	382.808.000	282.228.881.060
- Khấu hao trong năm	16.945.011.540	35.993.147.881	3.690.354.244	-	56.628.513.665
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	128.577.878.828	178.865.549.155	31.031.158.742	382.808.000	338.857.394.725
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	232.947.698.214	454.172.593.929	16.116.239.722	-	703.236.531.865
Tại ngày cuối năm	222.351.994.315	424.010.019.340	13.147.080.933	-	659.509.094.588

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ xử lý:

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

IP: 4/01/11
AN
NAN

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

ĐC: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	1.632.274.438	1.632.274.438
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.736.812.563	-	3.736.812.563
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	3.736.812.563	1.632.274.438	5.369.087.001
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.632.274.438	1.632.274.438
- Khấu hao trong năm	17.646.060	-	17.646.060
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	17.646.060	1.632.274.438	1.649.920.498
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	3.719.166.503	-	3.719.166.503

Giá trị còn lại của TSCĐ VH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay theo hợp đồng thế chấp: 0 đồng
 Nguyên giá TSCĐ VH cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.632.274.438 đồng

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đền bù giải phóng mặt bằng xóm cây bông NM XM La Hiên	-	3.675.983.563
- Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuồng	15.777.443.203	8.788.985.403
- Dự án trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa	231.243.115	231.243.115
- Dự án biến tần tiết kiệm điện 6KV	-	1.317.003
- Dự án lập báo cáo KTKT xây dựng công trình kè chắn đá, đất	51.692.870	-
Tổng cộng	16.060.379.188	12.697.529.084

8 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí nghiên cứu thị trường	782.856.651	-
- Chi phí vật tư thiết bị	3.320.099.605	-
Tổng cộng	4.102.956.256	-

9 Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ phục hồi môi trường khai thác tài nguyên	107.413.440	-
Tổng cộng	107.413.440	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI

ĐC: Xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10 Vay và nợ ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	(i)	55.800.000.000	38.500.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	(ii)	14.000.000.000	-
Vay Công ty tài chính than - khoáng sản Việt Nam	(iii)	45.500.000.000	49.700.000.000
Vay Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - Vinacomin		2.000.000.000	-
Tổng cộng		117.300.000.000	88.200.000.000

(i): Chi tiết về khoản vay của ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên

Hợp đồng	Lãi suất vay	Hạn mức	Dư nợ gốc 31/12/2011	Thời hạn trả nợ	Tài sản đảm bảo
11058007/HĐTD ngày 07/4/2011	Theo từng giấy nhận nợ	60.000.000.000	55.800.000.000	Theo từng giấy nhận nợ	(*)

(*): Khoản thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà cửa vật kiến trúc, nhà văn phòng, nhà ăn công trình gắn liền với đất, xe ô tô thuộc sở hữu của công ty. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp tài sản đã ký là 9.156

(ii): Chi tiết về khoản vay của ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên

Hợp đồng	Lãi suất vay	Hạn mức	Dư nợ gốc 31/12/2011	Thời hạn trả nợ	Tài sản đảm bảo
70.11.090.848058 .TD ngày	Theo từng giấy nhận nợ	20.000.000.000	14.000.000.000	Theo từng giấy nhận nợ	(**)

(**): Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 06 ô tô tải ben, 1 máy xúc thủy lực bánh xích Hitachi trị giá 1,485 tỷ đồng, hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu bình quân trị giá 53,2 tỷ đồng

(iii): Chi tiết về khoản vay của Công ty tài chính than - khoáng sản Việt Nam

Hợp đồng	Lãi suất vay	Hạn mức	Dư nợ gốc 31/12/2011	Thời hạn trả nợ	Tài sản đảm bảo
06/2011- KH/CFM/TDHM ngày 25/4/2011	Theo từng giấy nhận nợ	50.000.000.000	45.500.000.000	Theo từng giấy nhận nợ	Do Công ty mẹ bảo lãnh

11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	2.555.863.777	226.560.417
Thuế TNDN	138.882.851	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.926.250	-
Thuế tài nguyên	44.548.910	142.132.990
Thuế đất và tiền thuê đất	-	6.953.836
Các loại thuế khác	2.980.371.514	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.291.731	20.866.016
Tổng cộng	5.742.885.033	396.513.259
12 Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	322.161.196	239.059.292
Tổng cộng	322.161.196	239.059.292
13 Phải trả nội bộ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	854.394.912	2.227.935.579
Tổng cộng	854.394.912	2.227.935.579

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI

ĐC: Xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	129.251.783	73.579.545
Bảo hiểm xã hội	262.805	-
Cổ tức phải trả	63.373.000	1.645.240.000
Phải trả khác	516.918.607	737.356.026
Phải thu khác (Dư có)	1.861.983	-
Tổng cộng	711.668.178	2.456.175.571

15 Vay dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	8.374.696.875	12.050.034.875
- Ngân hàng Đầu tư & phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (i)	36.013.508.000	46.474.484.342
- Ngân hàng Phát triển Thái Nguyên (ii)	322.294.444.343	355.005.192.438
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1.442.025.000	-
- Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	76.759.115.208	81.649.103.269
- Công ty MTV tài chính Than - khoáng sản Việt Nam (iii)	29.631.137.000	36.444.181.000
- Vay Tinh ủy	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	475.514.926.426	532.622.995.924

(i): Chi tiết về khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên

Hợp đồng	Lãi suất vay	Tổng số tiền vay	Dư nợ gốc	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
01/08/HĐ	thay đổi theo từng thời kỳ	49.016.459.839	35.387.508.000	8/2016	Tài sản hình thành sau đầu tư
02/08/HĐ	thay đổi theo từng thời kỳ	3.826.000.000	326.000.000	2/7/2013	Tài sản hình thành sau đầu tư
01/10/HĐ	thay đổi theo từng thời kỳ	630.000.000	100.000.000	01/6/2013	04 xe ô tô Hylo 318 triệu
02/10/HĐ	thay đổi theo từng thời kỳ	1.150.000.000	200.000.000	07/2013	Tài sản hình thành sau đầu tư

(ii): Chi tiết về khoản vay của Ngân hàng Phát triển Thái Nguyên

Hợp đồng	Lãi suất vay	Tổng số tiền vay	Dư nợ gốc	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
43/2008/HĐKT-NHPTC	VND 8,4%/năm USD 7,8%/năm	414.780.639.340	322.294.444.343	11/2016	Tài sản hình thành sau đầu tư

(iii): Chi tiết về khoản vay của Công ty MTV Tài chính than khoáng sản Việt Nam

Hợp đồng	Lãi suất vay	Tổng số tiền vay	Dư nợ gốc	Thời hạn trả nợ	Tài sản đảm bảo
56/2008/VCMFC/HĐTDDH	thay đổi theo từng thời kỳ	39.879.597.504	27.387.132.000	09/10/2016	Tài sản hình thành sau đầu tư
28/2008/VCMFC/HĐTDDH	thay đổi theo từng thời kỳ	2.587.500.000	900.000.000	31/12/2013	Tài sản hình thành sau đầu tư
34/2008/VCMFC/HĐTDDH	thay đổi theo từng thời kỳ	2.600.000.000	975.005.000	31/01/2014	Tài sản hình thành sau đầu tư
73/2007/VCMFC/HĐTDDH	thay đổi theo từng thời kỳ	1.180.000.000	369.000.000	31/01/2014	Tài sản hình thành sau đầu tư

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

ĐC: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN
Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16 Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	1.000.061.438	3.897.097.465	3.058.420.846	-	108.420.055.905
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.755.569.805	1.755.569.805
Tăng khác	-	-	11.325.526.520	66.249.293	87.778.490	-	11.479.554.303
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	11.850.988.160	-	-	1.755.569.805	13.606.557.965
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	464.476.156	474.599.798	3.963.346.758	3.146.199.336	-	108.048.622.048
Số dư cuối năm trước đầu năm nay	100.000.000.000	464.476.156	474.599.798	3.963.346.758	3.146.199.336	-	108.048.622.048
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	14.184.593	14.184.593
Tăng khác	-	-	20.763.374.121	-	-	-	20.763.374.121
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	32.522.748.830	-	-	-	32.522.748.830
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	464.476.156	(11.284.774.911)	3.963.346.758	3.146.199.336	14.184.593	96.303.431.932

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI

ĐC: Xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

b Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu

Vốn góp của Nhà nước

Vốn góp của các cổ đông khác

Thặng dư vốn cổ phần

Tổng cộng

(*): Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong kỳ: **không có.**

(*): Số lượng cổ phiếu quỹ: **không có**

Số cuối năm	Số đầu năm
51.383.000.000	51.383.000.000
48.617.000.000	48.617.000.000
464.476.156	464.476.156
100.464.476.156	100.464.476.156

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Năm nay	Năm trước
100.000.000.000	100.000.000.000
-	-
-	-
100.000.000.000	100.000.000.000
-	-

d Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra (cổ phiếu)

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số cuối năm	Số đầu năm
10.000.000	10.000.000
4.861.700	4.861.700
4.861.700	4.861.700
-	-
-	-
-	-
-	-
10.000.000	10.000.000
10.000.000	10.000.000
-	-

e Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ dự phòng tài chính

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
3.963.346.758	3.963.346.758
3.146.199.336	3.146.199.336
7.109.546.094	7.109.546.094

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

Đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ).

	Năm nay	Năm trước
17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu từ bán hàng	656.449.077.865	453.012.200.786
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	2.342.737.265	1.231.749.994
Tổng cộng	658.791.815.130	454.243.950.780
18 Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	497.719.607.495	341.102.634.013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.293.877.266	1.175.827.267
Tổng cộng	500.013.484.761	342.278.461.280
19 Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	518.591.355	426.870.022
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	257.974.107	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.343.157.823
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	557.864.971
Tổng cộng	776.565.462	2.327.892.816
20 Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	66.952.383.924	39.351.915.802,0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.547.721.415	8.806.945.802,0
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.743.320.218	-
Tổng cộng	73.243.425.557	48.158.861.604
21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	165.608.439	586.397.531
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	165.608.439	586.397.531
(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành		
<i>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	<i>179.793.032</i>	<i>A</i>
Thu nhập không chịu thuế	-	B
Chi phí không hợp lý khi tính thuế	500.309.966	C
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>680.102.998</i>	<i>D = A - B + C</i>
Thuế suất	25%	E
<i>Thuế TNDN phải nộp</i>	<i>170.025.750</i>	<i>F = D x E</i>
Tổng nguyên giá TSCĐ dùng cho sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thu	1.003.735.576.314	G
Tổng giá trị TSCĐ đầu tư mới đã đưa vào sản xuất kinh doanh:	52.154.586.238	H
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	680.102.998	I = D
Tổng thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại được miễn hoặc giảm	35.338.481	K = H / G x I
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông	8.834.620	L = K x 25%
<i>Thuế TNDN được miễn theo thuế suất ưu đãi</i>	<i>4.417.310</i>	<i>M = L / 2</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	165.608.439	N = F - M

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI

ĐC: Xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	451.637.574.673	310.276.514.462
Chi phí nhân công	55.984.807.768	50.190.148.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.571.620.525	38.319.083.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.085.488.271	11.921.656.691
Chi phí bằng tiền khác	83.223.653.684	56.827.518.984
Tổng cộng	667.503.144.921	467.534.921.473

23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.184.593	1.755.569.805
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	14.184.593	1.755.569.805
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,42	175,56

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (không áp dụng)

VII Những thông tin khác

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào, các khoản cam kết trong hợp đồng vay, ngắn và dài hạn đã được thuyết minh trong phần vay ngắn, dài hạn.

2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

3 Thông tin về các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm 2011, Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam, các đơn vị trong Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin và các đơn vị trong cùng Tập đoàn được nhận biết là bên liên quan đến Công ty.

Các bên liên quan

Tên	Địa điểm	Quan hệ
1 Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Việt Nam	Công ty mẹ
2 Công ty ĐT & XD - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
3 Công ty CP vật liệu XD và KD tổng hợp - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
4 Trung tâm XNK và hợp tác đầu tư - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

24

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

ĐC: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các bên liên quan (tiếp)

Tên	Địa điểm	Quan hệ
5 Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
6 Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
7 Công ty CP SX&KD vật tư thiết bị - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
8 Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
9 Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
10 Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
11 Công ty cổ phần than Núi Hồng - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
12 Trung tâm y tế lao động - Vinacomin	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
13 Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - TKV	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
14 Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Việt Bắc - Vinacomin	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
15 Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
16 Công ty TNHH một thành viên tài chính than khoáng sản Việt nam - Vinacomin	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
17 Công ty TNHH một thành viên than Khánh Hòa - VVMI	Việt Nam	Công ty cùng tổ hợp
18 Công ty nhiệt điện Na Dương - Vinacomin	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
19 Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
20 Công ty xây dựng mỏ Hàm Lò II- Vinacomin	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
21 Công ty phát triển công nghệ và TB mỏ	Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan trong năm 2011

Giá trị thực hiện

Vay ngắn hạn

Công ty TNHH một thành viên tài chính than khoáng sản Việt nam - Vinacomin	135.500.000.000
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	2.000.000.000

Vay dài hạn

Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	21.905.382.560
--	----------------

Doanh thu Bán hàng

Công ty than Núi Hồng - VVMI - CN Tổng Cty CNMVB Vinacomin	38.811.364
Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	49.993.636
Công ty TNHH một thành viên than Khánh Hòa - VVMI	98.909.090
Công ty ĐT & XD - VVMI	2.275.622.722
Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI	4.439.023.499
Công ty CP SX&KD vật tư thiết bị - VVMI	3.439.534.525
Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - V VMI	4.354.399.999
Cty CP vật liệu XD & KD tổng hợp VVMI	4.989.036.189
Trường Cao đẳng nghề Việt Bắc - Vinacomin	22.227.272
Công ty nhiệt điện Na Dương - Vinacomin	78.090.908
Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - Vinacomin	253.622.725
Công ty xây dựng mỏ Hàm Lò II- Vinacomin	34.727.273

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

ĐC: Xã La Hiền, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giao dịch với các bên liên quan trong năm 2011 (tiếp)

Mua hàng

Giá trị thực hiện

Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên - VVMI	96.963.702
Cty CP vật liệu XD & KD tổng hợp VVMI	13.008.618.000
Cty CP sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	62.009.635.000
Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	1.680.261.881
Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	9.613.386.166
Trung tâm xuất nhập khẩu - VVMI	334.800.000
Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI	7.041.446.182
Công ty than Núi Hồng - VVMI	23.310.000
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	115.168.836.360
Xi nghiệp vật tư Hòn gai	725.620.816
Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc	714.933.571
Công ty phát triển công nghệ và TB mỏ	305.535.556
Trung tâm y tế lao động - Vinacomin	85.269.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Nội dung

Khoản phải thu

Khoản phải trả

Công ty ĐT & XD - VVMI	Bán xi măng	259.188.778	-
Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Việt Bắc - Vinacomin	Bán xi măng	16.000.000	-
Công ty CP vật liệu XD và KD tổng hợp - VVMI	Bán xi măng	287.234.805	-
Trung tâm XNK và hợp tác đầu tư - VVMI	Bán xi măng	620.462.682	-
Công ty CP Xi măng Tân Quang - VVMI	Mua Clinker	-	2.723.469.025
Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI	Mua Clinker	-	998.477.360
Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - TKV	Mua than	-	36.712.145.208
Công ty CP SX&KD vật tư thiết bị - VVMI	Mua vỏ bao	-	7.088.855.775
Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Mua dầu mỡ	-	117.981.127
Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	Mua vật tư	-	431.940.497
	Phải trả nội bộ	-	854.394.912
Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
	Vay dài hạn	-	76.759.115.208
Công ty TNHH MTV tài chính than khoáng sản Việt Nam - Vinacomin	Vay ngắn hạn	-	45.500.000.000
	Vay dài hạn	-	29.631.137.000

4 Tình hình hoạt động liên tục của Công ty

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

ĐC: Xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5 Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ là số liệu được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam.



Lê Quang Bình
Giám Đốc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán Trưởng



V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

1. Kiểm toán độc lập:

* Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam.

Địa chỉ: Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội.

* Cơ sở để đưa ra ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

* Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên chúng tôi xin lưu ý với người đọc báo cáo kiểm toán rằng: Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố và được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư 18/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011.



2. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng và sự khác biệt trọng yếu nếu có được công bố, giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm hạn chế sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng trong Tập đoàn công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty:

Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin nắm giữ 51,383% vốn cổ phần của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, P.Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 0463.647.505 Fax: 0463.647.493

Tỷ lệ nắm giữ: 51,383% vốn điều lệ.

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2011): Không có.

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức một cách hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và đảm bảo quyền lợi cho toàn bộ các cổ đông.

Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI:

(Trang bên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

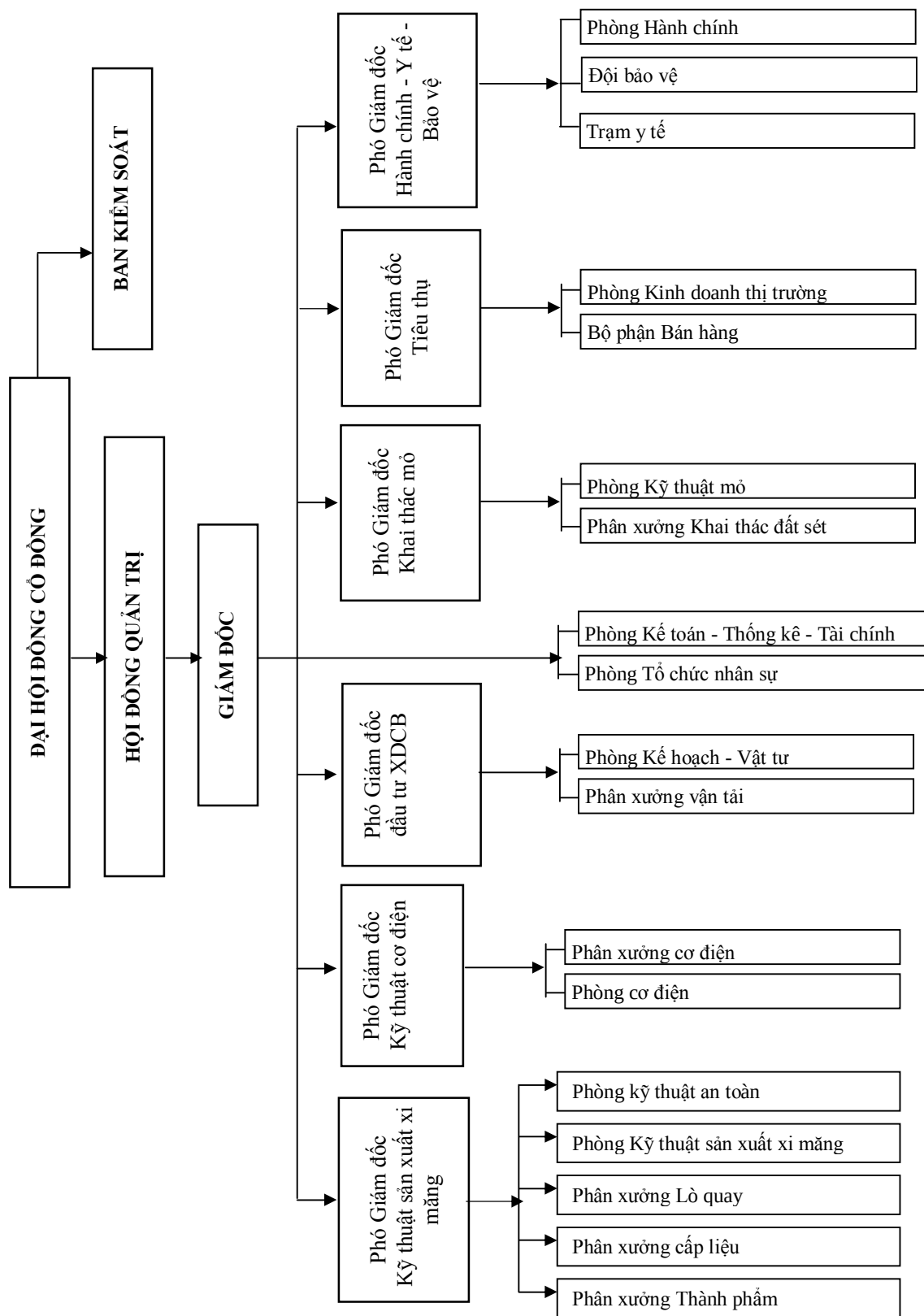
Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên





2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc:

2.1 Ông Lê Quang Bình:

Chức vụ hiện tại: Giám đốc công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 25/12/1964

Quê quán: Xã Sơn Bằng, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 091.033.452 Ngày cấp: 13/03/2003 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư máy mỏ.

2.2 Ông Nông Nhật Ba:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 11/02/1967

Quê quán: Xã Đại Đồng, Huyện Trảng Định, Tỉnh Lạng Sơn.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.440 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên.

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

2.3 Ông Bùi Xuân Hồng:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 22/05/1956

Quê quán: Xã Thụy Hương, Huyện An Thụy, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.508.520 Ngày cấp: 28/04/2005 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Chùa Hang, Đồng Hỷ, Thái Nguyên.

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

2.4 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI



Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

2.5 Ông Nguyễn Văn Tập:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 20/08/1958

Quê quán: Xã Bằng Giã, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.194.906 Ngày cấp: 10/03/2005 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Quan Triều, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ

2.6 Ông Vũ Ngọc Bách:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1964

Quê quán: Xã Nam Lợi, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.594.380 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

2.7 Ông Nguyễn Văn Dũng:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam



Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 30/11/1991 Nơi cấp: Công an Bắc Thái.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

2.8 Bà Lê Thị Thu Hiền:

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi

Giới tính: Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: Công an Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.156

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

3. Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: Không thay đổi

4. Quyền lợi của Ban giám đốc: Các thành viên trong Ban Giám đốc được hưởng lương, thưởng theo chế độ và quy định của công ty.

5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động năm 2011:

Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn công ty tại thời điểm 31/12/2011: 882 người

Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo mời các cơ quan chức năng, các trường đào tạo lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ.

Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

- + Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động.

- + Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- + Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt.

- + Tổ chức điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động.



6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng không có sự thay đổi về nhân sự.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

+ Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát :

* Hội đồng quản trị công ty gồm 5 thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ 05 năm, bao gồm một Chủ tịch và 4 uỷ viên. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 23 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMi. Trong đó: Số uỷ viên độc lập không điều hành: 02 người.

* Ban kiểm soát có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu ra nhiệm kỳ 05 năm.

+ Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của cả 05 thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty.

Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.



+ Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, do vậy mỗi thành viên trong BKS phải chủ động với nhiệm vụ được phân công, thường xuyên báo cáo, cung cấp thông tin cho trưởng BKS về hoạt động SXKD của Công ty theo từng lĩnh vực để trưởng ban xem xét tổng hợp báo cáo HĐQT.

Họp định kỳ mỗi năm ít nhất 02 lần (06 tháng một lần) họp lần 1 sau khi kết thúc quý II, họp lần 2 sau khi kết thúc năm kế hoạch (BKS họp trước khi HĐQT Công ty họp kiểm tra tình hình thực hiện kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và năm kế hoạch). Lịch họp cụ thể do trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của HĐQT, các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản báo cáo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Tham mưu cho HĐQT thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

Tham mưu cho HĐQT thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

+ Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

* Hội đồng quản trị trong Công ty cổ phần hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho công ty.

* Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của công ty.



+ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 25/03/2011 đã thông qua các mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

STT	Chức danh	Hệ số lương bậc 2/2 chuyên trách	Mức phụ cấp hàng trách nhiệm hàng tháng của người hoạt động kiêm nhiệm (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	7,30	7,30 x Ltt x30%
2	Ủy viên HĐQT	6,31	6,31 x Ltt x30%
3	Trưởng Ban kiểm soát	6,31	6,31 x Ltt x30%
4	Ủy viên Ban kiểm soát	5,98	5,98 x Ltt x30%

+ Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, trình độ học vấn:

* Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên trong đó:

- Ông Đào Hữu Tu - Chủ tịch: Kỹ sư xây dựng
- Ông Lê Quang Bình - Ủy viên: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư máy mỏ
- Ông Nông Nhật Ba - Ủy viên: Kỹ sư cơ điện
- Ông Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên: Kỹ sư khai thác
- Ông Phạm Mạnh Tiến - Ủy viên: Kỹ sư kinh tế

* Ban kiểm soát :

- Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Trưởng ban: Cử nhân kinh tế
- Ông Lã Đại Dương - Ủy viên: Kỹ sư cơ điện
- Ông Nguyễn Xuân Hậu - Ủy viên: Kỹ sư kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

* Tỷ lệ sở hữu vốn góp của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc như sau:



Đơn vị tính: cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CP ĐẾN 31/12/2011	
			VỐN NHÀ NƯỚC	VỐN CÁ NHÂN
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		5.138.300	85.800
1	Ông Đào Hữu Tu	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	10.000
2	Ông Lê Quang Bình	Ủy viên	1.138.300	52.000
3	Ông Nông Nhật Ba	Ủy viên	1.000.000	4.900
4	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	0	12.300
5	Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên	0	6.600
II	BAN KIỂM SOÁT		0	2.800
1	Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng BKS	0	0
2	Lã Đại Dương	Ủy viên	0	0
3	Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên	0	2.800
III	BAN GIÁM ĐỐC		2.138.300	127.900
1	Lê Quang Bình	Giám đốc công ty	1.138.300	52.000
2	Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	0	10.000
3	Nông Nhật Ba	Phó giám đốc	1.000.000	4.900
4	Nguyễn Văn Dũng	Phó giám đốc	0	12.300
5	Lê Bá Chức	Phó giám đốc	0	11.700
6	Bùi Xuân Hồng	Phó giám đốc	0	27.100
7	Vù Ngọc Bách	Phó giám đốc	0	4.200
8	Nguyễn Văn Tập	Phó giám đốc	0	5.700

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

2.1. Cổ đông góp vốn trong nước:

+ *Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước (tính đến ngày 31/12/2011):*

* Cổ đông là tổ chức: 05 tổ chức (chiếm 59,633% vốn góp)

* Cổ đông là cá nhân: 956 cá nhân (chiếm 40,367% vốn góp)

+ *Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn góp vốn:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MANG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

T T	Tên	Địa chỉ	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ / vốn góp	Tỷ lệ biến động trong năm
I	TỔ CHỨC		5.938.300	59,383%	
1	Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	Số 1 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	5.138.300	51,383%	
2	Công ty CP chứng khoán Quốc tế Việt Nam	59 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	700.000	7,000%	
3	Công ty chứng khoán NHTMCP Đông Nam Á	16 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	100.000	1,000%	
II	CÁ NHÂN		1.367.950	13,6795%	
1	Nguyễn Thị Thanh Hà	Tổ 2, P.Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên	183.950	1,8395%	
2	Nguyễn Thị Kim Liên	Số 9 Lô 13B đường 11, Khu đô thị Trung Yên, Cầu Giấy, Hà Nội	180.000	1,8000%	
3	Lê Quang Minh	Hương Dũng –TP Vinh - Tỉnh Nghệ An	150.600	1,5060%	
4	Nguyễn Chí Cường	90 Thuốc Bắc – Hoàn Kiếm - Hà Nội	144.000	1,4400%	
5	Lê Quang Giáp	P.Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên	101.400	1,0140%	
6	Lê Quang Vinh	Số 15E Tổ 11A Thanh Lương – Hà Nội	80.000	0,8000%	
7	Đào Đức Lợi	Ninh An – Hoa Lư – Ninh Bình	77.000	0,7700%	
8	Nguyễn Thị Kim Hiệp	Số 23, Ngõ 62 Phường Hoàng Văn Thụ - TPTN	69.000	0,6900%	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

9	Phùng Thị Hương Thơm	Yên Sơn – Tam Điệp – Ninh Bình	62.000	0,6200%	
10	Tô Xuân Thanh	P704-CT 2B Mỹ Đình II Từ Liêm, Hà Nội	60.000	0,6000%	
11	Đỗ Hồng Hạnh	90 thuốc bắc – Hà Nội	60.000	0,6000%	
12	Lê Quang Bình	Tổ 2 - P. Hoàng Văn Thụ - TPTN	52.000	0,5200%	
13	Đỗ Thanh Bình	406 – 9A, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	50.000	0,5000%	
14	Lý Tú Mai	588/34A Lê Quang Định, P1, Q. Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh	50.000	0,5000%	
15	Đông Thị Lan	44A Nguyễn Công Hoan, P Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	50.000	0,5000%	
16	Bùi Minh Tuấn	P.Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên	50.000	0,5000%	

2.2. Cổ đông góp vốn nước ngoài:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn nước ngoài:

Số lượng cổ đông nước ngoài : 0 cổ đông

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn nước ngoài góp vốn: Không có cổ đông lớn nước ngoài góp vốn.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

(Đã ký)

LÊ QUANG BÌNH